BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:1425 /QĐ-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giáo dục tiểu học, lĩnh vực giáo dục trung học, lĩnh vực cơ sở giáo dục khác thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giáo dục tiểu học, lĩnh vực giáo dục trung học, lĩnh vực cơ sở giáo dục khác thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026 và hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

2. Trong thời gian Quyết định này có hiệu lực thi hành, các nội dung tại số thứ tự 1, 2, 3, 4 Mục B.I, Mục B.III, số thứ tự 2 Mục C.II, số thứ tự 2 Mục C.III, số thứ tự 1 Mục C.IV Phần II và các nội dung tương ứng tại Phần I của Phụ lục kèm theo Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo không áp dụng và được thay thế bằng nội dung công bố tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các cơ sở giáo dục đại học;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Cổng TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, VP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Lê Quân

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC, LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC, LĨNH VỰC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Công bố kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT ngày tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

STT	Số hồ sơ TTHC(1)	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế(3)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế(2)	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện (hoặc Cơ quan/ Người có thẩm quyền)
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
1	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (Mã số TTHC: 1.012944)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; *Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*	Giáo dục trung học	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao				
3	3.000301	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật				
4	1.005008	Cho phép trường trường trung học phổ thông chuyên	Cho phép trường trung học phổ thông,	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số	Giáo dục	Giám đốc Sở Giáo dục

		hoạt động giáo dục	trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục (Mã số TTHC: 1.012954)	142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; *Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*	trung học	và Đào tạo
5	3.000297	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục				
6	3.000302	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục				
7	3.000306	Thành lập, cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông				
8	1.004999	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số	Giáo dục trung học	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
9	3.000299	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ				

		thuật, thể dục, thể thao	học cao nhất là trung học phổ thông (Mã số TTHC: 1.012955)	124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; *Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*		
10	3.000304	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật				
11	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (Mã số TTHC: 1.012956)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; *Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*	Giáo dục trung học	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
12	3.000300	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)				
13	3.000305	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)				
B. Thủ tục hành chính cấp xã						
1	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học,	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (Mã số TTHC: 2.001842)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-	Giáo dục tiểu học	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

		trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở		CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; *Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*		
			Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (Mã số TTHC: 1.012965)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP; *Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP*	Giáo dục trung học	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

STT	Số hồ sơ TTHC[(1)]	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC[(2)]	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện/Cơ quan có thẩm quyền
Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.004988	Cho phép trường trung học phổ thông	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của	Các cơ sở giáo	Sở Giáo dục và Đào tạo

		chuyên hoạt động trở lại	Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	dục khác	
2	3.000298	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Các cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	3.000303	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Các cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo

---

Chú thích:

(1) Số hồ sơ TTHC (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC) và mã số TTHC trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia của TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(2) Tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ TTHC.

(3) Số hồ sơ TTHC thay thế được lấy theo mã mới trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC thay cho số hồ sơ TTHC được thay thế sau khi cập nhập, công bố, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Phần chữ in nghiêng trong văn bản là nội dung được thay thế./.

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC

1. Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (sau đây gọi chung là trường trung học phổ thông) công lập:

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm A.I.1 Mục 1 Phụ lục I.11 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh (sau đây gọi chung là Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thành lập trường trung học phổ thông công lập;

b) Cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm A.I.1 Mục 1 Phụ lục I.11 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định thì Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho tổ chức, cá nhân.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định việc đáp ứng điều kiện cho phép thành lập trường theo quy định tại khoản A.I Mục 2 Phụ lục I.11 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục; trường hợp không cho phép thành lập trường thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập nhà trường (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); Quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài có cấp học cao nhất là

trung học phổ thông (theo Mẫu số 15 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

1.2. Cách thức thực hiện:

Gửi hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

1.3. Thành phần, số lượng bộ hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường theo Mẫu số 01 Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.

Trường hợp trường trung học phổ thông chuyển địa điểm hoạt động giáo dục thì phải đáp ứng các điều kiện và thực hiện thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP. *Trong Văn bản đề nghị*, trường trung học phổ thông phải cam kết kế thừa các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của trường trung học đề nghị chuyển địa điểm.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận *hồ sơ đầy đủ, đúng quy định*.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân (*bao gồm: tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung học phổ thông; tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung học phổ thông chuyên, thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao; tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường dành cho người khuyết tật;* nhà đầu tư đề nghị thành lập cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài có cấp học cao nhất là trung học phổ thông).

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thành lập hoặc cho phép thành lập nhà trường (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc cho phép thành lập cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài có cấp học

cao nhất là trung học phổ thông (theo Mẫu số 15 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

1.8. Lệ phí:

Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường theo Mẫu số 01 Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nơi trường dự kiến đặt trụ sở.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

a) Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

b) Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

d) Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

đ) Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

e) Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

g) Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu số 01: Văn bản đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục

(Tại Phụ lục I.11 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)

….(1)….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
….(2)….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../….-…..	*……, ngày … tháng … năm ……*
V/v đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập ….(3)….	

Kính gửi: .....(4).....

A. THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ

I. Tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục

1. Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị: ……(5)…….

- Tên cơ sở giáo dục: .....(6).....
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): .....

2. Thông tin liên hệ tổ chức, cá nhân đề nghị (7):

- Địa chỉ trụ sở: .....
- Số điện thoại:..... Fax:.....
- Website (nếu có):..... Email:.....

3. Người đại diện (nếu có): .....

4. Cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có): .....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập

1. Tên của cơ sở giáo dục: .....

2. Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

3. Địa chỉ trụ sở dự kiến: .....(8).....

- Số điện thoại:..... Fax: .....
- Website (nếu có):..... Email:.....

4. Họ và tên người dự kiến làm hiệu trưởng:..... (*kèm theo: sơ yếu lý lịch*)

5. Loại hình cơ sở giáo dục:

6. Cấp học/trình độ đào tạo:

7. Lý do đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục:

.....

8. Chức năng, nhiệm vụ của .....(3).....

9. Dự kiến quy mô tuyển sinh: .....

B. NỘI DUNG ĐỀ ÁN THÀNH LẬP HOẶC CHO PHÉP THÀNH LẬP CƠ SỞ GIÁO DỤC

I. Sự cần thiết thành lập hoặc cho phép thành lập …(3)….

1. Căn cứ pháp lý.

2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội và sự phù hợp với quy hoạch của địa phương hoặc lĩnh vực.

3. Nhu cầu giáo dục .....(9)……. tại địa phương, khu vực.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục

1. Mục tiêu của cơ sở giáo dục:..... (10).....

2. Chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục:..... (11).....

III. Chương trình, nội dung giáo dục

1. Chương trình, nội dung giáo dục: .....(12).....

2. Các nội dung tích hợp (nếu có): .....(13).....

3. Kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện chương trình:.....

4. Tài liệu giảng dạy và học tập: .....

IV. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị

1. Thông tin về khu đất dự kiến xây dựng cơ sở giáo dục (nếu có):.....

2. Cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị giảng dạy và học tập:.....

3. Phương tiện, học liệu tham khảo và các điều kiện khác:.....

4. Các điều kiện đảm bảo quy định về phòng cháy chữa cháy: .....(14).....

5. Hệ thống hồ sơ, sổ sách: .....(15).....

V. Tổ chức bộ máy

1. Thông tin về đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động của cơ sở giáo dục *(Kèm theo: danh sách trích ngang và sơ yếu lý lịch của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động).*

2. Dự kiến đối tượng, quy mô tuyển sinh theo từng năm học/chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

VI. Nguồn lực và tài chính

1. Vốn đầu tư: Kế hoạch vốn đầu tư phải phù hợp với quy mô dự kiến của từng giai đoạn. Đối với cơ sở giáo dục tư thục phải có phương án huy động vốn và cân đối vốn theo từng giai đoạn để duy trì hoạt động của nhà trường.

2. Cơ chế quản lý thu, chi học phí: Dự kiến các khoản thu, chi trong từng năm học/chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

VII. Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển cơ sở giáo dục

1. Kế hoạch và tiến độ xây dựng cơ sở vật chất.

2. Kế hoạch và tiến độ mua sắm thiết bị, phương tiện tổ chức thực hiện chương trình giáo dục.

3. Kế hoạch và tiến độ tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch và tiến độ phát triển chương trình, nội dung giảng dạy.

5. Kế hoạch và tiến độ sử dụng nguồn vốn thực hiện đề án.

VIII. Cam kết kế thừa các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm

(Chỉ áp dụng trong trường hợp cơ sở giáo dục chuyển địa điểm hoạt động giáo dục)

1. Nghĩa vụ, trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.

2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị, đất đai.

3. Nghĩa vụ, trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của người học.

4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác (nếu có).

C. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP (Nếu có)

.....(16).....

.....

.....

Chúng tôi xác nhận các thông tin kê khai trong văn bản này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hồ sơ và đề nghị ...(4)... xem xét, quyết định theo quy định.

Nơi nhận:
- ……..;
- ……..

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (17)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục.

(2) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục.

(3) Tên cơ sở giáo dục.

(4) Người có thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục.

(5) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập.

(6) Trường hợp là cá nhân không ghi nội dung ở mục này.

(7) Cung cấp thông tin trường hợp là cá nhân, tổ chức đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục.

(8) Địa điểm dự kiến đặt cơ sở giáo dục (số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố).

(9) Ghi rõ cấp học.

(10) Mô tả cụ thể mục tiêu của cơ sở giáo dục.

(11) Mô tả cụ thể chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục theo các quy định hiện hành.

(12) Mô tả nội dung phát triển chương trình giáo dục theo quy định hiện hành.

(13) Mô tả cụ thể nội dung chương trình tích hợp (nếu có).

(14) Thiết kế cơ sở vật chất, trang thiết bị tối thiểu, phương án phòng cháy chữa cháy.

(15) Các hồ sơ sổ sách theo quy định đối với nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên.

(16) Phê duyệt của người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập/cho phép thành lập cơ sở giáo dục.

(17) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân không phải đóng dấu.

2. Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục

2.1. Trình tự thực hiện

a) Nhà trường gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm A.II.1 Mục 1 Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho nhà trường;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định việc đáp ứng các điều kiện cho phép hoạt động giáo dục đối với nhà trường theo quy định tại khoản A.II Mục 2 Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và tổ chức thẩm định thực tế tại nhà trường (nếu cần thiết). Nếu đủ điều kiện, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép nhà trường hoạt động giáo dục; trường hợp không cho phép nhà trường hoạt động giáo dục thì thông báo bằng văn bản cho nhà trường và nêu rõ lý do.

Quyết định cho phép nhà trường hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); Quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo Mẫu số 17 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có cấp học cao nhất là trung học phổ thông có nhu cầu bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với các nội dung đã được phê duyệt có trách nhiệm kê khai, làm rõ nội dung thay đổi và đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

2.2. Cách thức thực hiện:

Gửi hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

2.3. Thành phần, số lượng bộ hồ sơ:

2.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP);

b) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai để thay thế thành phần hồ sơ văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà.

Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được hoặc khai thác không đầy đủ dữ liệu về văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức nộp bổ sung giấy tờ này theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

c) Đối với trường trung học phổ thông tư thục phải có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền do nhà trường đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp và phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đăng ký hoạt động giáo dục.

2.3.2. Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận *hồ sơ đầy đủ, đúng quy định*.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; *trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao; trường dành cho người khuyết tật; lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông*.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Người có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép nhà trường hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); Quyết định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt

Nam có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo Mẫu số 17 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2.8. Lệ phí:

Không có

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường trung học phổ thông, trường dành cho người khuyết tật, trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục thể thao, trường trung học phổ thông chuyên và lớp dành cho người khuyết tật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, diện tích sàn xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi học sinh.

b) Có chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với trường dành cho người khuyết tật, trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao, trường trung học phổ thông chuyên và lớp dành cho người khuyết tật phải bảo đảm nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá, chương trình chuyên sâu hoặc nâng cao theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Có đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đủ về số lượng và đạt tiêu chuẩn để tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục học sinh khuyết tật, chương trình giáo dục đối với trường chuyên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao, ngoài các điều kiện trên, phải có đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên, nhân viên chuyên môn và nhân viên y tế đáp ứng yêu cầu đào tạo, huấn luyện và chăm sóc sức khỏe học sinh.

d) Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục:

- Đối với trường trung học phổ thông tư thục, mức đầu tư ít nhất là 50 triệu đồng/học sinh (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có quy mô dự kiến cao nhất, nhưng không thấp hơn

50 tỷ đồng. Kế hoạch vốn đầu tư phải phù hợp với quy mô dự kiến của từng giai đoạn.

Đối với trường hợp trường trung học phổ thông tư thục không xây dựng cơ sở vật chất mới mà chỉ thuê lại hoặc sử dụng cơ sở vật chất sẵn có để triển khai hoạt động giáo dục thì mức đầu tư ít nhất phải đạt 70% mức đầu tư quy định tại điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Đối với trường trung học phổ thông công lập, nguồn lực tài chính do cơ quan quản lý có thẩm quyền chịu trách nhiệm bảo đảm nhằm đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông theo quy định.

đ) Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận hoặc kiểm định chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn nước sở tại; được giảng dạy trực tiếp ít nhất 05 năm ở nước sở tại tính đến ngày nộp hồ sơ cho phép hoạt động; được cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài sở hữu chương trình giáo dục chấp thuận cho phép sử dụng tại Việt Nam;

- Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam;

- Bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo và tính liên thông khi học sinh chuyển sang học tập tại cơ sở giáo dục công lập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Chương trình giáo dục nước ngoài giảng dạy cho học sinh người Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục của Việt Nam và đáp ứng quy định tại điểm đ mục này.

e) Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài có cấp học cao nhất là trung học phổ thông được tổ chức giảng dạy:

- Chương trình giáo dục của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Chương trình giáo dục phổ thông tương ứng của nước ngoài.

g) Thực hiện môn học, nội dung giáo dục, đào tạo bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam học tập trong các cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

a) Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

b) Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

d) Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

đ) Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

e) Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

g) Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu số 03. Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục

….(1)…. **….(2)….** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____
Số: …../TTr-….. V/v đề nghị ……..	*……, ngày ... tháng ... năm ……*

Kính gửi: .....(3).....

1. Tên cơ sở giáo dục:..... (2).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... (4).....

- Số điện thoại: ....., Fax: ……

- Website: ……., Email: ……

3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

4. Nội dung đăng ký hoạt động giáo dục:.....

5. Tình hình đáp ứng các điều kiện cho phép hoạt động giáo dục:

- Danh mục cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện theo quy định.

- Chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục theo quy định.

- Danh sách cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên/huấn luyện viên và người lao động, trong đó ghi rõ trình độ chuyên môn được đào tạo *(Kèm theo hợp đồng làm việc đã được ký giữa nhà trường với từng cán bộ quản lý, giáo viên/huấn luyện viên, người lao động).*

- Đất đai: .....

- Tài chính:.....

(Kèm theo các minh chứng:.....)

.....(2) ..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về giáo dục và quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận: - ……..; - ……..	(5) *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ sở giáo dục đăng ký hoạt động giáo dục.

(3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục.

(4) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(5) Chức danh người đứng đầu cơ sở giáo dục.

3. Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông công lập:

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm A.III.1 Mục 1 Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông và Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông được hình thành sau khi sáp nhập, chia, tách.

b) Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông tư thục:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm A.III.1 Mục 1 Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho tổ chức, cá nhân.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đánh giá sự cần thiết, tính khả thi và các nội dung có liên quan đến đề nghị sáp nhập, chia, tách nhà trường và tổ chức thẩm định thực tế (nếu cần thiết); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sáp nhập, chia, tách nhà trường; trường hợp không cho phép sáp nhập, chia, tách nhà trường thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

Quyết định sáp nhập, chia, tách nhà trường (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Ngay sau khi quyết định sáp nhập, chia, tách nhà trường có hiệu lực, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông được hình thành sau khi sáp nhập, chia, tách.

3.2. Cách thức thực hiện:

Gửi hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

3.3. Thành phần, số lượng bộ hồ sơ

3.3.1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị sáp nhập, chia, tách nhà trường theo Mẫu số 02 Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.

3.3.2. Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận *hồ sơ đầy đủ, đúng quy định*.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân (*bao gồm: tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông; tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên, sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao; tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật*).

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ: Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sáp nhập, chia, tách nhà trường); Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (cho phép hoạt động nhà trường).

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

a) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc sáp nhập, chia, tách nhà trường (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

b) Quyết định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cho phép hoạt động giáo dục đối với nhà trường được thành lập sau khi sáp nhập, chia, tách (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

Quyết định sáp nhập, chia, tách; Quyết định cho phép hoạt động giáo dục được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3.8. Lệ phí:

Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị sáp nhập, chia, tách nhà trường theo Mẫu số 02 Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không quy định.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

a) Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

b) Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

d) Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu số 02: Văn bản đề nghị sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục

(Tại Phụ lục I.11 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)

….(1)…. **….(2)….** _____ Số: …../….-….. V/v ….(3)….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày … tháng … năm ……*

Kính gửi: …….(4)……..

A. THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ

I. Thông tin cơ quan, tổ chức cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục

1. Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị: ……(5)…….

- Tên cơ sở giáo dục: .....(6).....

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): .....

2. Thông tin liên hệ tổ chức, cá nhân đề nghị (7):

- Địa chỉ trụ sở: .....

- Số điện thoại:..... Fax:.....

- Website (nếu có):..... Email:.....

3. Người đại diện (nếu có): .....

4. Cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có): .....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục đề nghị sáp nhập, chia, tách

1. Lý do, mục đích đề nghị sáp nhập/chia/tách cơ sở giáo dục:

.....

Trường hợp sáp nhập cơ sở giáo dục, báo cáo các thông tin sau:

2. Thông tin về cơ sở giáo dục thứ nhất trước khi sáp nhập:

- Tên cơ sở giáo dục:.....

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Địa chỉ trụ sở chính: ……(8).....

- Số điện thoại: ..... Fax:.....

- Website (nếu có): ..... Email: ……..……..

[...]) Thông tin về cơ sở giáo dục thứ... trước khi sáp nhập: Báo cáo các thông tin như mục a nêu trên.

[...]) Thông tin về cơ sở giáo dục sau khi sáp nhập:

- Tên cơ sở giáo dục:.....

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Địa chỉ trụ sở chính: ..... (8).....

- Số điện thoại:..... Fax:.....

- Website (nếu có):..... Email:.....

- Chức năng, nhiệm vụ: .....

Trường hợp chia, tách cơ sở giáo dục, báo cáo các thông tin sau:

2. Thông tin về cơ sở giáo dục chia, tách:

a) Tên cơ sở giáo dục trước khi chia, tách:.....

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): .....

- Địa chỉ trụ sở chính:..... (8).....

- Số điện thoại: ..... Fax:.....

- Website (nếu có): ..... Email: ……..……..

b) Thông tin về cơ sở giáo dục thứ nhất sau khi chia, tách: …….

- Tên cơ sở giáo dục:.....

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:..... (8).....

- Số điện thoại:..... Fax:.....

- Website (nếu có):..... Email:.....

- Chức năng, nhiệm vụ:..... .....

c) Thông tin về cơ sở giáo dục thứ... sau khi chia, tách: Báo cáo các thông tin như mục b nêu trên.

B. NỘI DUNG ĐỀ ÁN SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH CƠ SỞ GIÁO DỤC

I. Thực trạng của cơ sở giáo dục trước khi sáp nhập, chia, tách

Trường hợp sáp nhập cơ sở giáo dục, báo cáo các thông tin sau:

1. Cơ sở giáo dục trước khi sáp nhập

1.1. Cơ sở giáo dục thứ nhất

1.1.1. Thông tin chung

- Tên cơ sở giáo dục:.....

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Thuộc:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:..... (8).....

- Số điện thoại:..... Fax:.....

- Website (nếu có):..... Email:.....

- Quyết định thành lập, cho phép thành lập: [Quyết định số ...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

- Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số..../QĐ-.... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

- Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp; cơ quan cấp].

- Chức năng, nhiệm vụ:.....

1.1.2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

1.1.3. Tổ chức bộ máy (số lượng và trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động)

1.1.4. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục (từ khi được phép hoạt động đến trước khi sáp nhập)

1.1.5. Số lượng người học tại cơ sở giáo dục (báo cáo theo từng cấp học/chương trình giáo dục)

1.1.6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

1.2. Cơ sở giáo dục thứ hai (Báo cáo thông tin của từng cơ sở trước khi sáp nhập như tại Phần A nêu trên)

[...]. Cơ sở giáo dục thứ... (Báo cáo thông tin của từng cơ sở trước khi sáp nhập như tại Phần A nêu trên)

Trường hợp chia, tách cơ sở giáo dục, báo cáo các thông tin sau:

2. Cơ sở giáo dục trước khi chia, tách

2.1. Thông tin chung

- Tên cơ sở giáo dục:.....

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

- Thuộc: .....

- Địa chỉ trụ sở chính:..... (8).....

- Số điện thoại:..... Fax:.....

- Website (nếu có):..... Email:.....

- Quyết định thành lập, cho phép thành lập: [Quyết định số ...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

- Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số..../QĐ-.... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

- Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

- Chức năng, nhiệm vụ:.....

2.2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

2.3. Tổ chức bộ máy (số lượng và trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động)

2.4. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục (từ khi được phép hoạt động đến trước khi chia, tách)

2.5. Số lượng người học tại cơ sở giáo dục (báo cáo theo từng cấp học/chương trình giáo dục)

2.6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

3. Nhận xét, đánh giá chung

3.1. Ưu điểm, thuận lợi

3.2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

II. Phương án sáp nhập, chia, tách

1. Sự cần thiết, cơ sở pháp lý và nguyên tắc sáp nhập, chia, tách

1.1. Sự cần thiết

1.2. Cơ sở pháp lý

1.3. Nguyên tắc sáp nhập, chia, tách

2. Phương án sáp nhập, chia, tách

2.1. Phạm vi, đối tượng sáp nhập, chia, tách

2.2. Phương án sáp nhập, chia, tách

a) Phương án bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động trong từng cơ sở giáo dục;

b) Phương án xử lý về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị, đất đai;

c) Phương án bảo đảm quyền lợi của người học;

d) Phương án đối với các nội dung không thuộc phạm vi, đối tượng sáp nhập, chia, tách.

2.3. Kế hoạch, thời gian dự kiến, lộ trình thực hiện việc sáp nhập, chia, tách, cơ sở giáo dục

2.4. Thủ tục và thời gian chuyển đổi tài sản, chuyển đổi vốn góp.

III. Thông tin về cơ sở giáo dục sau khi sáp nhập, chia, tách

(Báo cáo về từng cơ sở giáo dục sau khi sáp nhập, chia, tách)

1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở giáo dục: .....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

1.2. Thuộc: .....

1.3. Địa chỉ trụ sở chính: .....(9).....

1.4. Số điện thoại:..... Fax:.....

Website (nếu có): ..... Email:.....

1.5. Chức năng, nhiệm vụ:.....

1.6. Họ và tên người dự kiến làm hiệu trưởng trường/giám đốc trung tâm:……..

2. Mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục

2.1. Mục tiêu của cơ sở giáo dục:.....

2.2. Chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục:.....

3. Chương trình, nội dung giáo dục

3.1. Chương trình, nội dung giáo dục:.....

3.2. Các nội dung tích hợp (nếu có):.....

3.3. Kế hoạch/lộ trình triển khai thực hiện chương trình:.....

3.4. Tài liệu giảng dạy và học tập:.....

4. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị

4.1. Đất đai: ……..

4.2. Cơ sở vật chất, thiết bị để tổ chức thực hiện chương trình giáo dục:

……

4.3. Phương tiện, học liệu tham khảo và các điều kiện khác: .....

4.4. Các điều kiện đảm bảo quy định về phòng cháy chữa cháy: .....

4.5. Hệ thống hồ sơ, sổ sách: .....

5. Tổ chức bộ máy

5.1. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý để tổ chức thực hiện chương trình giáo dục: .....

(Kèm theo: danh sách trích ngang và sơ yếu lý lịch của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý)

5.2. Dự kiến đối tượng, quy mô tuyển sinh theo từng năm học: .....

6. Nguồn lực và tài chính

6.1. Vốn đầu tư: Kế hoạch vốn đầu tư phải phù hợp với quy mô dự kiến của từng giai đoạn. Đối với cơ sở giáo dục tư thục phải có phương án huy động vốn và cân đối vốn theo từng giai đoạn để duy trì hoạt động của nhà trường.

6.2. Cơ chế quản lý thu, chi học phí: Dự kiến các khoản thu, chi trong từng năm học.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Kế hoạch thực hiện (10)

……

2. Trách nhiệm thực hiện đề án của các cơ quan, đơn vị có liên quan (11)

……

V. Hiệu quả kinh tế, xã hội

1. Về kinh tế.

2. Về xã hội, môi trường.

3. Tính bền vững của đề án.

C. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP (Nếu có)

.....(13).....

.....

.....

Chúng tôi xác nhận các thông tin kê khai trong văn bản này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hồ sơ và đề nghị ...(4)... xem xét, quyết định theo quy định.

Nơi nhận:
- ……..;
- ……..

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (14)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục.

(2) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục không ghi nội dung ở mục này.

(3) Ghi rõ đề nghị chia hoặc tách hoặc sáp nhập.

(4) Người có thẩm quyền chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục.

(5) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đề nghị sáp nhập, chia, tách.

(6) Trường hợp là cá nhân không ghi nội dung ở mục này.

(7) Cung cấp thông tin trường hợp là cá nhân, tổ chức đề nghị sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục.

(8) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(9) Nêu rõ tiến độ, thời gian tổ chức thực hiện đề án sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục.

(10) Quy định rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện đề án sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

(11) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục không phải đóng dấu.

(12) Chức danh người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(13) Phê duyệt của người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục.

(14) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị chia, tách, sáp nhập cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục không phải đóng dấu.

4. Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Giải thể trường trung học phổ thông công lập:

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm A.IV.1 Mục 1 Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giải thể trường trung học phổ thông.

b) Giải thể trường trung học phổ thông tư thục:

Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm A.IV.1 Mục 1 Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho tổ chức, cá nhân.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định, đánh giá sự cần thiết, tính khả thi và các nội dung có liên quan đến đề nghị giải thể nhà trường; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể nhà trường; trường hợp không cho phép giải thể nhà trường thì thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

Quyết định giải thể nhà trường (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); Quyết định giải thể cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo Mẫu số 22 tại Phụ lục kèm theo nghị định số 124/2024/NĐ-CP) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4.2. Cách thức thực hiện:

Gửi hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

4.3. Thành phần, số lượng bộ hồ sơ:

4.3.1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân thành lập trường theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.

4.3.2. Số lượng : 01 bộ hồ sơ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ *đầy đủ, đúng quy định*.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân (*bao gồm: tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể trường trung học phổ thông; tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể trường trung học phổ thông chuyên, giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao; tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể trường dành cho người khuyết tật;* nhà đầu tư đề nghị *giải thể* cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài có cấp học cao nhất là trung học phổ thông).

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc giải thể nhà trường (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); Quyết định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc giải thể cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo Mẫu số 22 tại Phụ lục kèm theo nghị định số 124/2024/NĐ-CP) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4.8. Lệ phí:

Không có.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân thành lập trường theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

a) Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

b) Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

d) Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

đ) Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

e) Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

g) Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu số 03: Văn bản đề nghị giải thể cơ sở giáo dục

(Tại Phụ lục I.11 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP)

….(1)….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
….(2)….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../….-…..	*……, ngày ... tháng ... năm ……*
V/v đề nghị ….(3)….	

Kính gửi:.....(4).....

A. THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ

I. Thông tin cơ quan, tổ chức cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục

1. Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị: ……(5)……

- Tên cơ sở giáo dục: .....(6).....

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có): .....

2. Thông tin liên hệ tổ chức, cá nhân đề nghị (7):

- Địa chỉ trụ sở: .....

- Số điện thoại:..... Fax:.....

- Website (nếu có):..... Email:.....

3. Người đại diện (nếu có): .....

4. Cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có): .....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục đề nghị giải thể

1. Tên cơ sở giáo dục:.....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Thuộc: .....

3. Địa chỉ trụ sở chính:.....(8).....

4. Số điện thoại:..... ,.. Fax:.....

Website:..... Email:.....

5. Quyết định thành lập, cho phép thành lập: [Quyết định số ...../QĐ-..... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của quyết định].

6. Quyết định đổi tên, cho phép đổi tên (nếu có): [Quyết định số..../QĐ-.... ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của từng quyết định].

7. Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có): [số hiệu, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp].

8. Lý do giải thể cơ sở giáo dục: .....

B. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN GIẢI THỂ CƠ SỞ GIÁO DỤC

I. Thực trạng tổ chức hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

3. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục (từ khi được phép hoạt động đến trước khi giải thể)

4. Số lượng người học tại cơ sở giáo dục tại thời điểm đề nghị giải thể (báo cáo theo từng cấp học/chương trình giáo dục)

5. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

……

II. Nhận xét, đánh giá chung

1. Ưu điểm, thuận lợi

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

III. Phương án giải thể + [tên cơ sở giáo dục]

1. Lý do giải thể cơ sở giáo dục

2. Phương án giải thể cơ sở giáo dục

2.1. Phương án giải quyết tài sản.

2.2. Phương án bảo đảm quyền lợi của người học.

2.3. Phương án bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.

2.4. Phương án thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

2.5. Phương án xử lý các vấn đề khác (nếu có).

IV. Tổ chức thực hiện

1. Kế hoạch thực hiện (9)

2. Trách nhiệm thực hiện đề án giải thể cơ sở giáo dục của các cơ quan, đơn vị có liên quan (10)

C. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP (Nếu có)

.....(11).....

.....

.....

Chúng tôi xác nhận các thông tin kê khai trong văn bản này là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hồ sơ và đề nghị ...(4)... xem xét, quyết định theo quy định.

Nơi nhận:
- ……..

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (12)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị giải thể cơ sở giáo dục.

(2) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị giải thể cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục không ghi nội dung ở mục này.

(3) Ghi rõ đề nghị giải thể [tên cơ sở giáo dục].

(4) Người có thẩm quyền giải thể cơ sở giáo dục.

(5) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị đề nghị giải thể.

(6) Trường hợp là cá nhân không ghi nội dung ở mục này.

(7) Cung cấp thông tin trường hợp là cá nhân, tổ chức đề nghị giải thể cơ sở giáo dục.

(8) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(9) Nêu rõ tiến độ, thời gian thực hiện đề án giải thể cơ sở giáo dục.

(10) Quy định rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện đề án giải thể cơ sở giáo dục của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

(11) Phê duyệt của người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có) của cơ quan, tổ chức đề nghị giải thể cơ sở giáo dục.

(12) Quyền hạn, chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị giải thể cơ sở giáo dục. Trường hợp là cá nhân sở hữu cơ sở giáo dục không phải đóng dấu.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC

1. Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nhà trường gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm A.VI.1 Mục 1 Phụ lục I.11 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho nhà trường;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định việc đáp ứng các điều kiện cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học theo quy định tại khoản A.IV Mục 2 Phụ lục I.11 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và tổ chức thẩm định thực tế tại nhà trường (nếu cần thiết); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với nhà trường; trường hợp không cho phép nhà trường hoạt động giáo dục thì thông báo bằng văn bản cho nhà trường và nêu rõ lý do.

Quyết định cho phép nhà trường hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); Quyết định cho phép hoạt động giáo dục của trường tiểu học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (theo Mẫu số 17 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Trường tiểu học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có nhu cầu bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với các nội dung đã được phê duyệt có trách nhiệm kê khai, làm rõ nội dung thay đổi và đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

1.2. Cách thức thực hiện:

Gửi hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP);

b) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai để thay thế thành phần hồ sơ văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà.

Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được hoặc khai thác không đầy đủ dữ liệu về văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức nộp bổ sung giấy tờ này theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

c) Đối với trường tiểu học tư thục phải có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền do nhà trường đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp và phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đăng ký hoạt động giáo dục.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Trường tiểu học; *trường tiểu học có vốn đầu tư nước ngoài; lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học*.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho phép nhà trường hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định 142/2025/NĐ-CP)); Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho phép hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (theo Mẫu số 17 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

1.8. Lệ phí:

Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ trình đề nghị cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường tiểu học và lớp dành cho người khuyết tật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, diện tích sàn xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi học sinh.

b) Có chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với lớp dành cho người khuyết tật phải bảo đảm nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá phù hợp đối với người khuyết tật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Có đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đủ về số lượng và đạt tiêu chuẩn để tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, giáo dục học sinh khuyết tật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục:

- Đối với trường tiểu học tư thục, mức đầu tư ít nhất là 50 triệu đồng/học sinh (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có quy mô dự kiến cao nhất, nhưng không thấp hơn 50 tỷ đồng. Kế hoạch vốn đầu tư phải phù hợp với quy mô dự kiến của từng giai đoạn.

Đối với trường hợp trường tiểu học tư thục không xây dựng cơ sở vật chất mới mà chỉ thuê lại hoặc sử dụng cơ sở vật chất sẵn có để triển khai hoạt động giáo dục thì mức đầu tư ít nhất phải đạt 70% mức đầu tư quy định tại điểm a khoản 4 Điều 17 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Đối với trường tiểu học công lập, nguồn lực tài chính do cơ quan quản lý có thẩm quyền chịu trách nhiệm bảo đảm nhằm đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông theo quy định.

đ) Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận hoặc kiểm định chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn nước sở tại; được giảng dạy trực tiếp ít nhất 05 năm ở nước sở tại tính đến ngày nộp

hồ sơ đăng ký hoạt động; được cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài sở hữu chương trình giáo dục chấp thuận cho phép sử dụng tại Việt Nam;

- Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam;

- Bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo và tính liên thông khi học sinh chuyển sang học tập tại cơ sở giáo dục công lập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Chương trình giáo dục nước ngoài giảng dạy cho học sinh người Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục của Việt Nam và đáp ứng quy định tại điểm đ mục này.

e) Trường tiểu học có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy:

- Chương trình giáo dục của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Chương trình giáo dục phổ thông tương ứng của nước ngoài.

g) Thực hiện môn học, nội dung giáo dục, đào tạo bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam học tập trong các cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

a) Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

b) Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

d) Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

đ) Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

e) Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

g) Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu số 03. Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục

….(1)…. **….(2)….**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../TTr-….. V/v đề nghị ……..	*……., ngày ... tháng ... năm ……*

Kính gửi: .....(3).....

1. Tên cơ sở giáo dục:..... (2).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... (4).....

- Số điện thoại: ....., Fax: ……

- Website: ……., Email: ……

3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

4. Nội dung đăng ký hoạt động giáo dục:.....

5. Tình hình đáp ứng các điều kiện cho phép hoạt động giáo dục:

- Danh mục cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện theo quy định.

- Chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục theo quy định.

- Danh sách cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên/huấn luyện viên và người lao động, trong đó ghi rõ trình độ chuyên môn được đào tạo *(Kèm theo hợp đồng làm việc đã được ký giữa nhà trường với từng cán bộ quản lý, giáo viên/huấn luyện viên, người lao động).*

- Đất đai: .....

- Tài chính:.....

(Kèm theo các minh chứng:.....)

.....(2) ..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về giáo dục và quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận: - ……..; - ……..	(5) *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ sở giáo dục đăng ký hoạt động giáo dục.

(3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục.

(4) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(5) Chức danh người đứng đầu cơ sở giáo dục.

II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC

1. Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nhà trường gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm A.V.1 Mục 1 Phụ lục I.11 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho nhà trường;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định việc đáp ứng các điều kiện cho phép hoạt động giáo dục đối với trường trung học cơ sở quy định tại khoản A.III Mục 2 Phụ lục I.11 kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và tổ chức thẩm định thực tế tại nhà trường (nếu cần thiết); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với nhà trường; trường hợp không cho phép nhà trường hoạt động giáo dục thì thông báo bằng văn bản cho nhà trường và nêu rõ lý do.

Quyết định cho phép nhà trường hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); Quyết định cho phép hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo Mẫu số 17 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng).

Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có cấp học cao nhất là trung học cơ sở có nhu cầu bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với các nội dung đã được phê duyệt có trách nhiệm kê khai, làm rõ nội dung thay đổi và đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật.

1.2. Cách thức thực hiện:

Gửi hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

1.3. Thành phần, số lượng bộ hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

a) Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP);

b) Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai để thay thế thành phần hồ sơ văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà.

Trường hợp cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được hoặc khai thác không đầy đủ dữ liệu về văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức nộp bổ sung giấy tờ này theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

c) Đối với trường trung học cơ sở tư thục phải có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền do nhà trường đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp và phù hợp với quy mô dự kiến tại thời điểm đăng ký hoạt động giáo dục.

1.3.2. Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có cấp học cao nhất là trung học cơ sở; *lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở.*

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo Mẫu số 17 Phụ lục ban hành kèm

theo Nghị định số 124/2024/NĐ-CP) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

1.8. Lệ phí:

Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục (theo Mẫu số 03 Phụ II kèm theo Nghị định 142/2025/NĐ-CP).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường trung học cơ sở và lớp dành cho người khuyết tật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, diện tích sàn xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi học sinh.

b) Có chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với lớp dành cho người khuyết tật phải bảo đảm nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá phù hợp đối với người khuyết tật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Có đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đủ về số lượng và đạt tiêu chuẩn để tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục học sinh khuyết tật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục:

- Đối với trường trung học cơ sở tư thục, mức đầu tư ít nhất là 50 triệu đồng/học sinh (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có quy mô dự kiến cao nhất, nhưng không thấp hơn 50 tỷ đồng. Kế hoạch vốn đầu tư phải phù hợp với quy mô dự kiến của từng giai đoạn.

Đối với trường hợp trường trung học cơ sở tư thục không xây dựng cơ sở vật chất mới mà chỉ thuê lại hoặc sử dụng cơ sở vật chất sẵn có để triển khai hoạt động giáo dục thì mức đầu tư ít nhất phải đạt 70% mức đầu tư quy định tại điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.

- Đối với trường trung học cơ sở công lập, nguồn lực tài chính do cơ quan quản lý có thẩm quyền chịu trách nhiệm bảo đảm nhằm đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông theo quy định.

đ) Chương trình giáo dục của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận hoặc kiểm định chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn nước sở tại; được giảng dạy trực tiếp ít nhất 05 năm ở nước sở tại tính đến ngày nộp hồ sơ cho phép hoạt động; được cơ sở, tổ chức giáo dục nước ngoài sở hữu chương trình giáo dục chấp thuận cho phép sử dụng tại Việt Nam;

- Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam;

- Bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo và tính liên thông khi học sinh chuyển sang học tập tại cơ sở giáo dục công lập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Chương trình giáo dục nước ngoài giảng dạy cho học sinh người Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu giáo dục phù hợp với mục tiêu giáo dục của Việt Nam và đáp ứng quy định tại điểm đ mục này.

e) Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài có cấp học cao nhất là trung học cơ sở được tổ chức giảng dạy:

- Chương trình giáo dục của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Chương trình giáo dục phổ thông tương ứng của nước ngoài.

g) Thực hiện môn học, nội dung giáo dục, đào tạo bắt buộc đối với người học là công dân Việt Nam học tập trong các cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

a) Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

b) Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

d) Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

đ) Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

e) Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

g) Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Mẫu số 03. Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục

….(1)…. **….(2)….**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../TTr-….. V/v đề nghị ……..	*……, ngày … tháng … năm ……*

Kính gửi: .....(3).....

1. Tên cơ sở giáo dục:..... (2).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... (4).....

- Số điện thoại: ....., Fax: ……

- Website: ……., Email: ……

3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: [Tên loại văn bản, số hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành, trích yếu của văn bản].

4. Nội dung đăng ký hoạt động giáo dục:.....

5. Tình hình đáp ứng các điều kiện cho phép hoạt động giáo dục:

- Danh mục cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện theo quy định.

- Chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục theo quy định.

- Danh sách cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên/huấn luyện viên và người lao động, trong đó ghi rõ trình độ chuyên môn được đào tạo *(Kèm theo hợp đồng làm việc đã được ký giữa nhà trường với từng cán bộ quản lý, giáo viên/huấn luyện viên, người lao động).*

- Đất đai: .....

- Tài chính:.....

(Kèm theo các minh chứng:.....)

.....(2) ..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về giáo dục và quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận: - ……..; - ……..	(5) *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ sở giáo dục đăng ký hoạt động giáo dục.

(3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục.

(4) Ghi địa chỉ số nhà, đường/phố, xã/phường, tỉnh/thành phố.

(5) Chức danh người đứng đầu cơ sở giáo dục.